GT.0000025987

C XÂY DỰNG - KHOA KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH
ÔN LÝ THUYẾT VÀ LỊCH SỬ KIẾN TRÚC
ăng Thái Hoàng - Nguyễn Văn Đỉnh
nh Thi - Đỗ Trọng Chung - Trương Ngọc Lân
Nguyễn Quang Minh - Đặng Liên Phương

GIÁO TRÌNH
LỊCH SỬ KIẾN TRÚC THẾ GIỚI

TẬP II

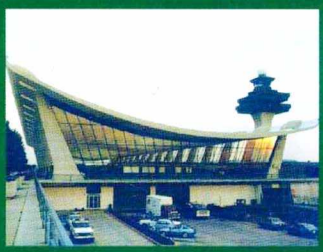

UYÊN
LIỆU

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG - KHOA KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH
BỘ MÔN LÝ THUYẾT VÀ LỊCH SỬ KIẾN TRÚC
Đồng chủ biên
PGS. KTS. ĐẶNG THÁI HOÀNG - TSKH. KTS. NGUYỄN VĂN ĐỈNH
Những người tham gia
TS. NGUYỄN ĐÌNH THI
KTS. ĐỖ TRỌNG CHUNG - ThS. KTS. TRƯƠNG NGỌC LÂN
ThS. KTS. NGUYỄN QUANG MINH - ThS. KTS. ĐẶNG LIÊN PHƯƠNG

GIÁO TRÌNH
LỊCH SỬ KIẾN TRÚC THẾ GIỚI

TẬP II
THẾ KỶ XIX - THẾ KỶ XX

(Tái bản)

NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2013

Chương 12

KIẾN TRÚC PHƯƠNG TÂY THẾ KỶ XIX

12.1. BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI PHƯƠNG TÂY CUỐI THẾ KỶ XVIII ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIX

Chủ nghĩa tư bản nảy sinh trong lòng chế độ phong kiến từ rất sớm (thế kỷ XIV), trải qua một quá trình lâu dài tự giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, đến đầu thế kỷ XIX do hội tụ đầy đủ các điều kiện phát triển nên đã lớn mạnh ở Tây Âu và Bắc Mỹ, trở thành giai cấp thống trị xã hội và phát huy ảnh hưởng trên phạm vi thế giới. Đến những năm 1880, chủ nghĩa tư bản đã tiến lên chủ nghĩa đế quốc với sự xuất hiện của hình thức tư bản độc quyền và quá trình xâm chiếm thuộc địa ở Châu Á, Phi và Mỹ La tinh.

Sự lớn mạnh của chủ nghĩa tư bản đi đôi với bước nhảy vọt về kinh tế, thương mại và sự ra đời của những phát minh, sáng chế công nghiệp.

- Năm 1801, đầu máy xe lửa hơi nước được đưa vào sử dụng
- Năm 1813, chiếc đèn khí than đầu tiên được thiết kế
- Năm 1840, Samuel Morse (Mỹ) đã phát minh ra điện tín
- Năm 1843, chiếc tàu đầu tiên vượt đại dương được hạ thủy
- Năm 1876, Alexander Bell phát minh ra máy điện thoại
- Năm 1877, Thomas Edison phát minh ra máy đĩa hát
- Năm 1887, Gottlieb Daimler và Karl Benz (Đức) cho xuất xưởng những chiếc xe hơi đầu tiên
- Năm 1895, Wilhem Conrad Röntgen (Đức) tìm ra tia X
- Năm 1897, Rudolf Diesel (Đức) sản xuất động cơ chạy dầu cỡ lớn

Những thành tựu này được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có kiến trúc, xây dựng, đem lại những biến đổi tích cực về cơ sở hạ tầng cũng như diện mạo các thành phố tư bản chủ nghĩa.

Quá trình đô thị hóa là hệ quả tất yếu của cách mạng công nghiệp. Thế kỷ XIX chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng dân số đô thị ở Châu Âu và Bắc Mỹ:

Đô thị	1800	1850	1900	1920
London	865.000	2.363.000	4.536.000	4.483.000
Paris	547.000	1.053.000	2.714.000	2.806.000
Berlin	172.000	419.000	1.889.000	4.024.000
New York	79.000	696.000	3.437.000	5.620.000

Theo đó, các đô thị ngày một mở rộng và nhu cầu xây dựng tăng lên không ngừng. Các loại hình kiến trúc đô thị trở nên đa dạng hơn bao giờ hết. Xã hội trong giai đoạn mới đặt ra những yêu cầu mới đối với kiến trúc như tính đa năng, linh hoạt, sự giản tiện trong ngôn ngữ kiến trúc, quy chuẩn hóa để thi công nhanh theo phương pháp công nghiệp. Những tiến bộ của khoa học kỹ thuật tạo đà cho kiến trúc phát triển với tốc độ và quy mô chưa từng có.

20 năm cuối thế kỷ XIX là thời kỳ quá độ của chủ nghĩa tư bản lên giai đoạn đế quốc. Công nghiệp ở Phương Tây phát triển như vũ bão, đặc biệt là ở Mỹ, chỉ trong một thời gian rất ngắn sau nội chiến (1861 - 1865) đã lần lượt vượt qua Pháp, rồi Anh, để trở thành Đại Công Xưởng của thế giới vào những năm 1890 do thực hiện hình thức tư bản độc quyền lũng đoạn. Tiếp đó, các công nghệ mới như luyện thép, sản xuất động cơ, máy móc, rồi những phát minh khoa học như tia X, cấu trúc tinh thể trong hóa học, tế bào trong sinh học, các học thuyết tiến hóa, định luật bảo toàn năng lượng, ... lần lượt xuất hiện làm chấn động giới khoa học, góp phần thay đổi tích cực bộ mặt các nước Âu Mỹ.

Về mặt xã hội, sự phân hóa giai cấp ngày một sâu sắc. Đó là hệ quả tất yếu và là mặt trái của quá trình công nghiệp hóa, song cũng là tiền đề cho sự phát triển của phong trào công nhân. Có Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản của Karl Marx (1818 - 1883) soi đường, giai cấp công nhân đã ý thức được vai trò và sứ mệnh lịch sử của mình, là lực lượng xung kích trong cuộc đấu tranh đòi quyền lợi, thực hiện nguyện vọng thiết lập một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Đây là một giai đoạn lịch sử rất sôi động, và những biến đổi xã hội to lớn, góp phần tạo nên sự phong phú và sự chuyển mình của kiến trúc.

12.2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC VÀ ĐẶC ĐIỂM KIẾN TRÚC PHƯƠNG TÂY THẾ KỶ XIX

Kiến trúc Phương Tây thế kỷ XIX diễn ra trong một bối cảnh phức tạp, bao gồm nhiều trường phái và học thuyết đan xen, song về cơ bản có thể phân chia làm hai thời kỳ tương ứng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản:

Giai đoạn tiền kỳ (đến 1880) với các trào lưu Phục hưng Cổ điển, Lãng mạn, Chiết trung, Kỹ thuật mới. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu, do bùng nổ tự phát nên kiến trúc tư bản chủ nghĩa thể hiện phần nào sự hỗn loạn. Kiến trúc hành chính là một nét đặc trưng cho giai đoạn này, mang tính hoành tráng, chế áp tinh thần tượng trưng cho quyền lực

của giai cấp thống trị với những công trình tiêu biểu như Tòa nhà Quốc hội ở Mỹ (1793 - 1851) và Anh (1836 - 1865), các công trình Tòa án Tối cao, Trụ sở Cảnh sát, Khải hoàn môn, Cột ghi công, thậm chí cả nhà tù, ... ghi dấu ấn của bộ máy công quyền nhà nước mà đại diện cho thể chế đó là giai cấp tư sản.

Giai đoạn đế quốc (20 năm cuối thế kỷ XIX) nổi bật với phong trào Arts and Crafts và học phái Chicago. Trong giai đoạn này, nền kiến trúc tư bản trở nên ổn định hơn, hình thành những trường phái, phong cách rõ rệt và thể hiện được sự tìm tòi, thể nghiệm và chắt lọc để đóng góp những nét tinh túy, nhân văn của kiến trúc cho nền văn minh nhân loại.

Tuy rất đa dạng và do đó khó có thể kết luận một cách ngắn gọn song tựu chung lại, kiến trúc Phương Tây thế kỷ XIX mang những đặc điểm cơ bản sau:

- Loại hình đa dạng, quy mô và số lượng lớn: Tòa thị chính, nhà ga, rạp hát, viện bảo tàng, trường học, gian triển lãm, cầu thép, tháp, nhà ở công nhân.
- Kiến trúc không chỉ đơn thuần là tác phẩm nghệ thuật mà còn là một loại hình hàng hóa, trong đó tính thương phẩm của kiến trúc được nhấn mạnh, đôi khi được đề cao quá mức lấn át các yếu tố công năng hay thẩm mỹ
- Sự tiến bộ trong khoa học kỹ thuật đã tạo ra một cuộc cách mạng trong ngôn ngữ tạo hình kiến trúc, với những loại hình kết cấu mới (vượt nhịp lớn với những mái vòm, dầm thép chữ T, I) và vật liệu mới (thép, bê tông cốt thép, kính).
- Nhiều tư tưởng kiến trúc mới xuất hiện (sự giản tiện trong ngôn ngữ kiến trúc, quan điểm đề cao giá trị của lao động sáng tạo thủ công so với loại hình sản xuất hàng loạt trên dây chuyền công nghiệp, ...) và sự đan xen của nhiều trường phái kiến trúc (Phục cổ, Lãng mạn, Chiết trung, Kỹ thuật mới, ...) tạo nên một bức tranh toàn cảnh đa chiều, nhiều màu sắc.

Sự phát triển của kiến trúc Phương Tây thế kỷ XIX có thể được hình dung theo sơ đồ:

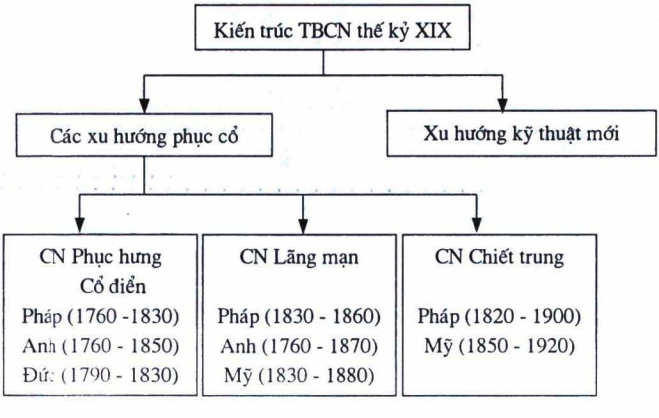

12.3. XU HƯỚNG PHỤC HƯNG CỔ ĐIỂN (CLASSICAL REVIVAL)

Ở Châu Âu thế kỷ XIX, tuy tàn dư của chủ nghĩa phong kiến không còn nhưng trong xã hội vẫn tồn tại những luồng tư tưởng đối lập. Giai cấp tư sản là thành phần cấp tiến trong xã hội, tuy nhiên một bộ phận vẫn còn mang nặng tư tưởng phong kiến, thể hiện ở tâm lý sính kiến trúc cổ điển của Hy Lạp, La Mã. Đó là mảnh đất cho kiến trúc Phục hưng Cổ điển nảy nở, thêm vào đó là sự hỗ trợ của cộng tác đạc họa, khảo cổ và lưu trữ tài liệu chi tiết.

Chủ nghĩa Phục hưng Cổ điển Châu Âu thế kỷ XIX, mà điển hình là ở Đức, được đánh dấu bởi những công trình của Karl Friedrich Schinkel (1781 - 1841). Schinkel coi kiến trúc là một cách thể hiện để thúc đẩy sự nhận thức của công chúng và xem chủ nghĩa cổ điển thành bang Hy Lạp đạt đến đỉnh điểm của ngôn ngữ hình tượng. Vào thời điểm đó, nước Phổ đang trên đà hưng thịnh với tham vọng biến Berlin thành trung tâm của cả Châu Âu, nên đã cho xây dựng ở đó rất nhiều công trình kiến trúc bề thế và nguy nga.

Tòa nhà Cảnh vệ Hoàng gia (The Royal Guard House) (1817 - 1818) ở trên đường Unter der Linden - một trục giao thông chính của Berlin - là một biểu trưng cho sự thống nhất quyền lực của nước Phổ dưới thời Vua Friedrich Wilhelm III. Tòa nhà thể hiện tính chất phục cổ bằng cách khôi phục hình ảnh đền đài, mặt đứng có tỷ lệ rất hài hòa, dù kích thước công trình có phần khiêm tốn song vẫn mang tính hoành tráng. Schinkel đã đặt mái cổng vào theo lối Doric giữa hàng cột to và vững chãi, được trang trí theo phong cách mộc mạc. Công trình là một sự thể nghiệm thành công của riêng Schinkel vì đã kết hợp được hình thức kiến trúc bề thế của một công trình quân sự với sự nguy nga mang phong cách bình dân.

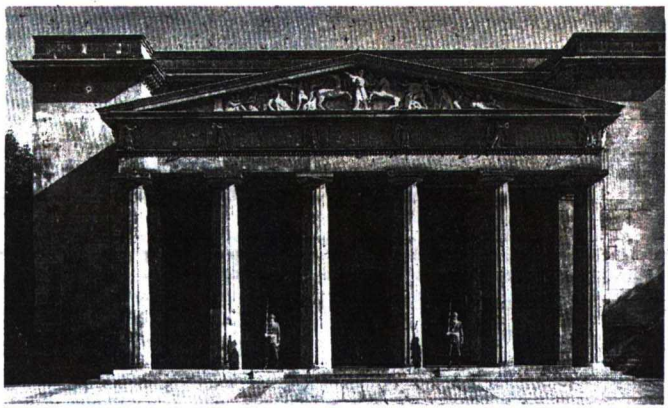

Tòa nhà Cảnh vệ Hoàng gia Berlin (1817 - 1818)

Nhà hát Quốc gia Berlin được xây dựng lại năm 1818, một năm sau một vụ hỏa hoạn lớn. Đây cũng là một tác phẩm bất hủ của Schinkel, dựng lên ngay trên chính nền móng cũ của nhà hát bị thiêu rụi trước đó, hai bên là hai nhà thờ mang hai phong cách khác nhau, một theo kiểu Đức và một theo kiểu Pháp. Tận dụng không gian ở giữa, Schinkel đã xử lý không gian tiền phòng với một quan điểm mới bằng cách đưa cầu thang ra hẳn ngoài trời, mang dáng dấp của một công trình tưởng niệm. Thay vì kiểu truyền thống đặt cầu thang ở sảnh chính trong nhà, Schinkel đã đặt hệ thống bậc cấp ở mặt trước công trình để tăng thêm vẻ bề thế và nhấn mạnh tính chất tưởng niệm. Hàng cột sảnh theo lối Ionic với những mặt phẳng vát vào bên trong cả hai cánh ăn khớp với trụ tường và những đường gờ nông cho người xem cảm giác công trình bị kéo căng trong một bộ khung. Trên sơ đồ mặt bằng dễ nhận thấy rằng tác giả đã có giải pháp bố cục thông minh và chính xác, kết hợp nhiều gian phòng trong một tổng thể đăng đối.

Cách xử lý mặt đứng phía trước kiểu chồng cột của Schinkel là tiền đề mà sau này người ta có thể thấy trong sự phân vị nhà cao tầng thế kỷ XX.

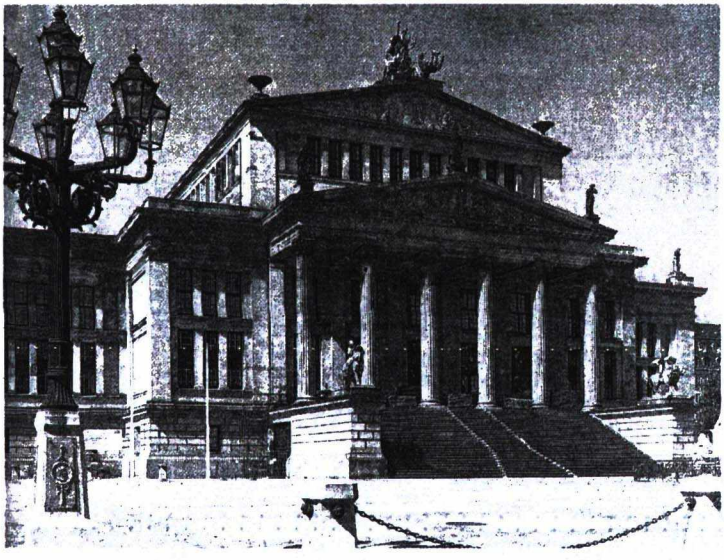

Nhà hát Berlin (1818 - 1821)

Bảo tàng Cổ Berlin (1823-1828) có lẽ là công trình nổi bật nhất của Schinkel theo phong cách Phục hưng Cổ điển. Đây là viện bảo tàng nghệ thuật mở cửa cho công chúng đầu tiên ở Châu Âu. Tòa nhà được quy hoạch rất chỉn chu, đối diện với một cung điện có sẵn và một kho quân dụng ở phía Nam, tạo ra một khoảng sân đẹp với một rặng cây ở

mặt phía Đông. Về mặt lý thuyết kiến trúc, người ta coi một hàng cột là một bức tường bị cắt đứt theo chiều đứng ở nhiều đoạn. Ở nhà Bảo tàng Cổ Berlin, Schinkel đã rất thành công trong việc thiết kế hàng cột ở mặt đứng phía trước, tạo ra dáng vẻ cởi mở cho một loại hình nhà công cộng mà thời đại sau này còn học tập được rất nhiều ở kiến trúc sư tài năng này.

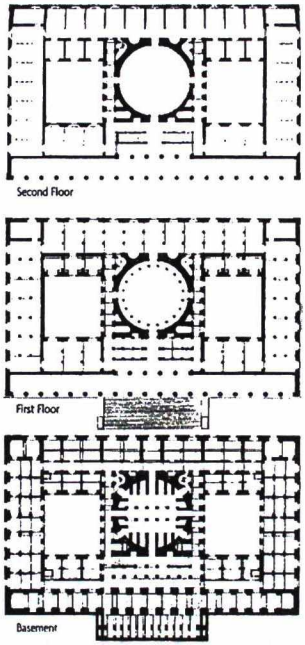

Mặt bằng Viện Bảo tàng Cổ Berlin

Tương tự như cách xử lý của nhà hát, mặt tiền của Viện bảo tàng bao gồm một hàng cột Ionic đặt trên một bệ cao, chiếm lĩnh toàn bộ chiều rộng của công trình. Sự đơn giản vừa tạo ra sự cảm nhận được chân giá trị của kiến trúc đô thị vừa chuẩn bị cho khách tham quan thưởng thức sự bài trí hấp dẫn phía sau. Schinkel đã đặt một phòng lớn hình tròn với mái vòm kẹp hai bên bởi những không gian trưng bày mở rất linh hoạt. Được nhìn nhận như một nguyên mẫu của sự cài đặt phong cách cổ điển, viện bảo tàng như là một điện thờ các danh nhân nằm giữa hai cung điện có chung một lối vào dạng cổng vòm Hy Lạp. Trên tầng hai là loggia từ đó có thể quan sát được toàn cảnh thành phố xuyên qua hai làn cột. Schinkel cũng chứng tỏ sự khéo léo của mình trong việc vận dụng sáng tạo ngôn ngữ kiến trúc cổ điển Hy Lạp trong một số công trình nổi tiếng khác như Lâu đài Charlottenhof ở Potsdam (1829 - 1831) có chú trọng đến yếu tố kiến trúc cảnh quan.

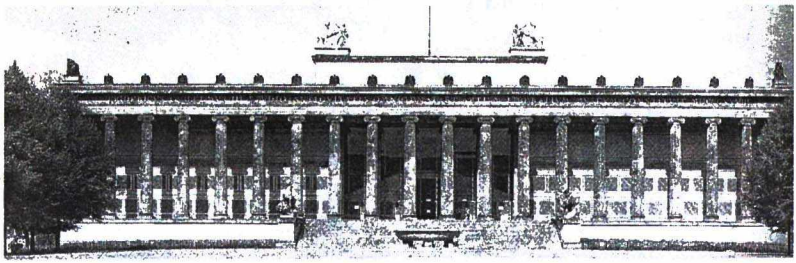

Viện Bảo tàng Cổ Berlin (1823 - 1828)

Trong khi đó ở Anh, chủ nghĩa Tân cổ điển cũng đạt được nhiều thành tựu mà tiêu biểu nhất là kiến trúc nhà ga. Chủ nghĩa Tân Cổ điển ở Anh mang đậm phong cách Hy Lạp. Nhà ga là loại hình kiến trúc mới phát sinh từ nước Anh do ở đây hình thành tuyến đường sắt đầu tiên trên thế giới vào năm 1825. Các kiến trúc sư nhanh chóng nhận ra vai trò của nhà ga xe lửa, cũng như nhà hát hay viện bảo tàng, là điểm nhấn cho bộ mặt của một thành phố. Tính chất đặc trưng của nhà ga, ngoài phần trung tâm là khối nhà mang kiểu dáng kiến trúc cách tân cổ điển, là những mái vòm thép lớn che kín các đường tàu, mang dáng dấp công trình của thời đại công nghiệp gây được những ấn tượng mỹ cảm mạnh mẽ, dù rằng trong thời gian đầu loại hình kiến trúc này chưa được các kiến trúc sư chấp nhận. Nhà ga Saint Pancras ở thủ đô London (1864 - 1868) do KTS William Barlow (1812 - 1902) thiết kế với vỏ mỏng 8 cm vượt nhịp 74 m là công trình minh họa cho thể loại này.

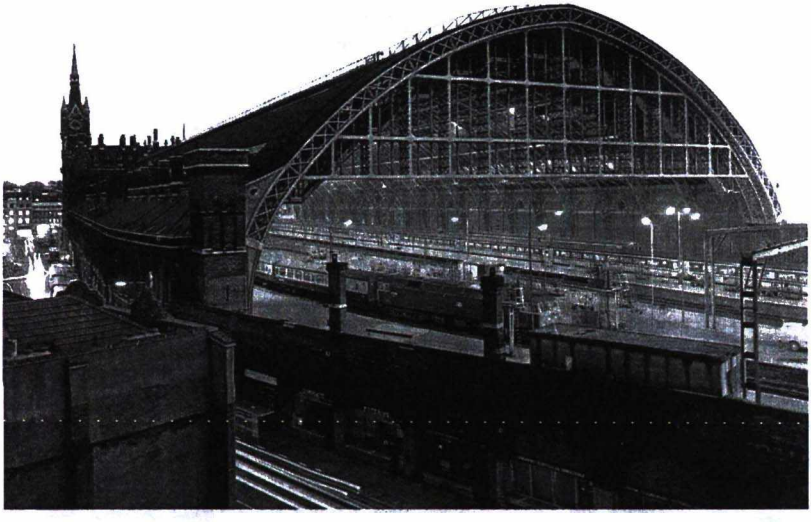

Nhà ga Saint Pancras (London) (1864 - 1868)

Cầu đường sắt bằng thép với kết cấu dây treo, cũng như nhà ga, là loại hình kiến trúc mới ra đời ở Anh trong những năm giữa thế kỷ XIX, mang đậm dấu ấn của thời đại kim khí. Cầu treo Clifton ở Bristol (1830 - 1863) bắc qua một hẻm núi sâu, vượt nhịp 214 m gây ấn tượng mạnh bởi hai trụ cầu khổng lồ với dải cáp treo phỏng theo sơ đồ nguyên lý phân phối mômen. Tương tự như vậy là cầu treo Brooklyn khởi công năm 1869 và khánh thành năm 1883 nối hai khu thương mại sầm uất nhất nhì New York là Brooklyn và Manhattan.

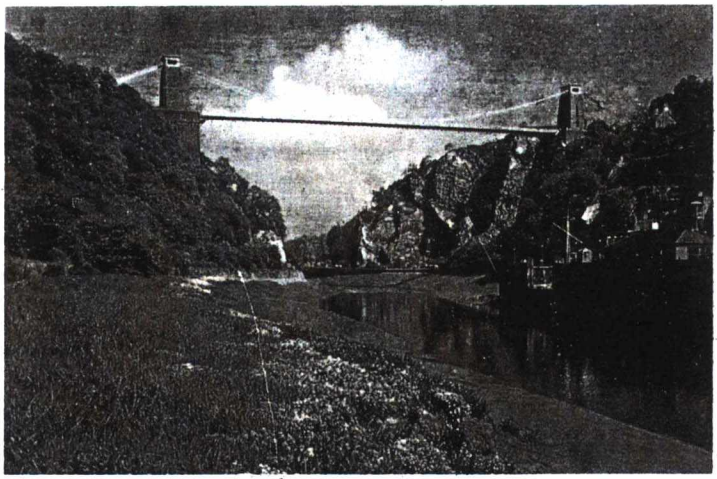

Cầu treo Clifton ở Bristol - Anh (1830 - 1863)

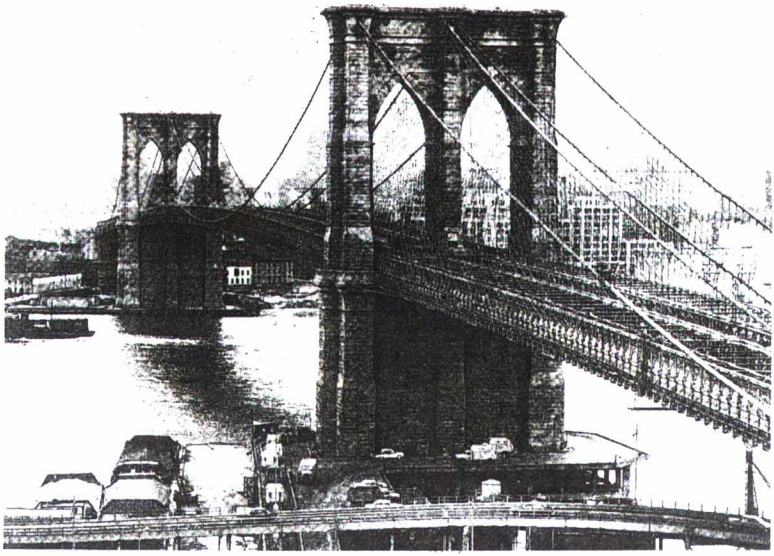

Cầu Brooklyn ở New York - Mỹ (1869 - 1883)